



XẾP HẠNG ĐẠI HỌC KINH NGHIỆM THẾ GIỚI VÀ GIẢI PHÁP CHO VIỆT NAM

■ GS.TS NGUYỄN HỮU ĐỨC



“Một trong những giải pháp quan trọng của giáo dục đại học là phải tiếp cận xếp hạng một cách minh bạch theo chuẩn quốc tế.

Mục đích chúng ta khi hướng tới các xếp hạng quốc tế không phải để xếp hạng cao mà là nâng cao chất lượng. Việc nâng cao chất lượng gắn với việc xếp hạng để thấy được chúng ta đạt ở đâu, thiếu gì để hoàn thiện, bên cạnh đó, còn là nhằm mục đích nâng cao trách nhiệm với cộng đồng để thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội”.

BỘ TRƯỞNG BỘ GD&ĐT PHÙNG XUÂN NHA

HIỆN TƯỢNG CỦA THẾ KỶ 21

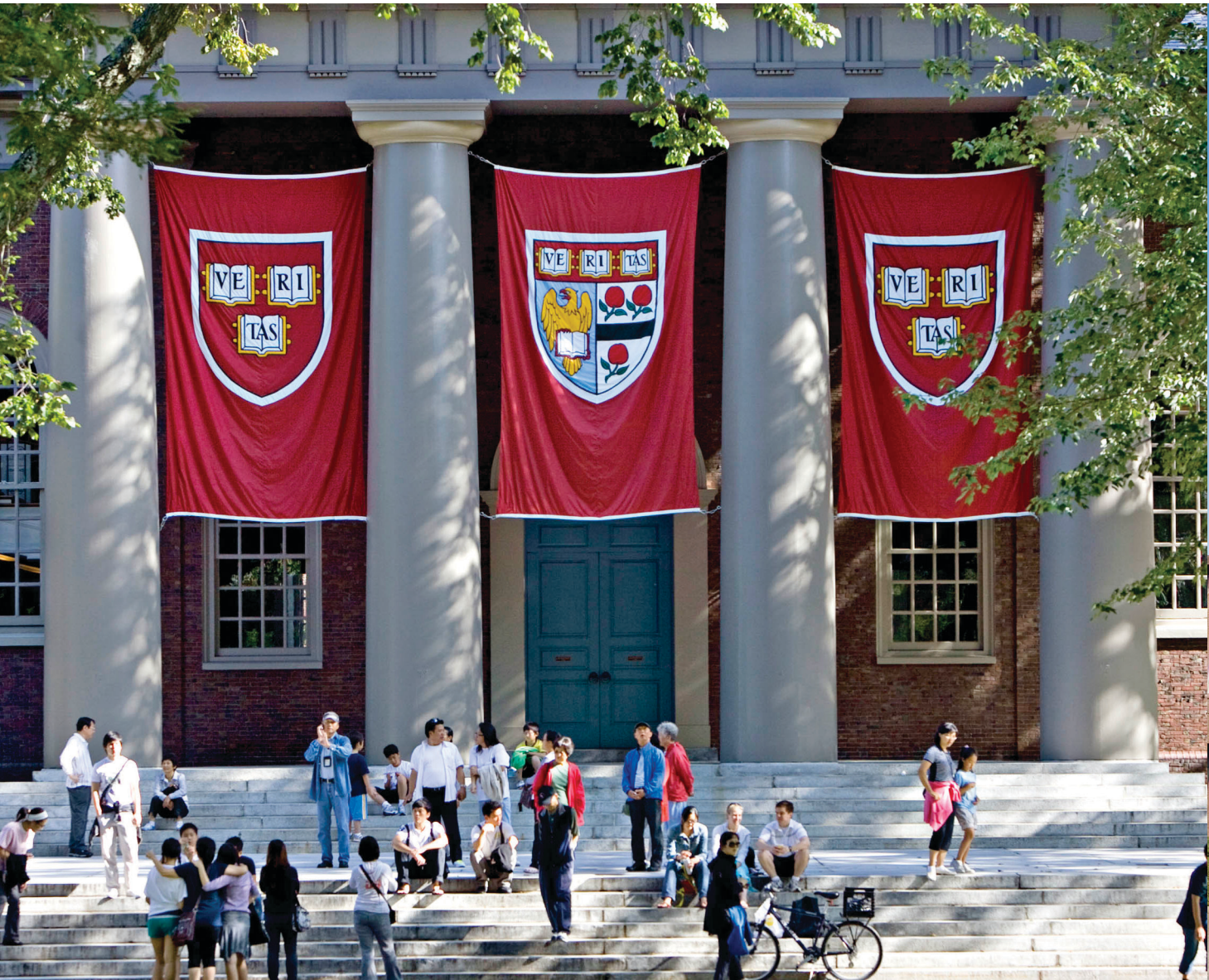
Mặc dù còn mới mẻ và quá trình phát triển còn ngán ngùi so với lịch sử đại học thế giới, nhưng xếp hạng đại học quốc tế đã trở thành một xu thế phổ biến và hiện tượng của thế kỷ 21, có sự quan tâm lớn của cộng đồng. Khởi thủy của hoạt động này bắt đầu từ Trường Đại học Giao thông Thượng Hải, Trung Quốc vào năm 2003, khi nước này có mục tiêu đối sánh năng suất và chất lượng đào tạo và nghiên cứu của các trường đại học hàng đầu Trung Quốc với các trường đại học hàng đầu thế giới, nhằm định hướng chiến lược và xây dựng kế hoạch đầu tư phát triển đại học. Đó là bảng xếp hạng ARWU. Ngay sau lần công bố kết quả lần đầu tiên, ARWU đã thu hút được sự quan tâm các trường đại học, chính phủ và giới truyền thông trên toàn thế giới.

Ở Vương quốc Anh, nhu cầu cần có một đối sánh thứ hạng quốc tế của các trường đại học cho các mục đích phát triển cũng được đề cập vào cuối năm 2003 trong báo cáo về tình hình hợp tác giữa các trường đại học và doanh

nh nghiệp cho Bộ Tài chính của Anh. Báo cáo này đã phân tích vai trò của bảng xếp hạng trong việc giúp nước Anh đánh giá được vị thế toàn cầu của các trường đại học. Ý tưởng đó hoàn toàn khả thi khi kết hợp với sự phát triển của thời đại thông tin số trong vấn đề thu thập cơ sở dữ liệu, nên đã được thời báo Times Higher Education (THE) hưởng ứng. THE đã hợp tác với Tổ chức tư vấn giáo dục và nghề nghiệp Quacquarelli Symonds (QS) để cùng triển khai bảng xếp hạng THE-QS trong thời gian từ năm 2004 đến 2009. Từ năm 2009, THE chủ động tách ra và thực hiện bảng xếp hạng của riêng mình vào năm 2010. QS giữ lại quyền sở hữu của họ trong bảng xếp hạng trước và tiếp tục vận hành bảng xếp hạng đại học thế giới QS.

Cho đến nay, trên thế giới có hơn 16 bảng xếp hạng quốc tế. Mỗi nhóm xếp hạng đều có cách tiếp cận và mục tiêu, tiêu chí đánh giá riêng, trong đó có 3 xếp hạng QS, THE và ARWU có uy tín nhất thế giới.

Điểm chung nhất và bản chất sơ khởi của việc xếp hạng là phục vụ cộng đồng, phục vụ người học, cho nên bản chất



của xếp hạng là một dịch vụ miễn phí (public services). Khi tham gia xếp hạng các trường không phải đóng một lệ phí nào và cộng đồng sử dụng thông tin xếp hạng cũng miễn phí. Tuy nhiên, tác dụng của các bảng xếp hạng không chỉ giới hạn ở đó. Nhờ có cơ sở dữ liệu phong phú về các trường đại học, các bảng xếp hạng còn có thể thực hiện được nhiệm vụ quan trọng khác là phân tích dữ liệu phục vụ công tác quản lý và hoạch định chính sách của ngay các trường đại học, các tổ chức và các quốc gia (policy driven services). Liên quan đến mục tiêu quản lý và hoạch định chính sách của các quốc gia, các bảng xếp hạng thường được tài trợ và giao cho các phòng thí nghiệm hoặc các trung tâm nghiên cứu thực hiện. Còn việc phân tích hiện trạng và đối sánh phục vụ mục đích riêng của các tổ chức sẽ do các tổ chức chi trả. Đây là việc các tổ chức xếp hạng có thể phục vụ thêm, ngoài phạm vi xếp hạng.

KINH NGHIỆM CỦA CÁC QUỐC GIA

Cùng với việc khuyến khích các trường đại học hàng đầu tham gia các bảng xếp hạng quốc tế, nhiều quốc gia

đã tiến hành xây dựng và triển khai các bảng xếp hạng đại học của nước mình. Hàn Quốc có bảng xếp hạng đại học Joong Ang Ilbo (Joong Ang Ilbo's Comprehensive University Rankings). Nhật Bản có hai bảng xếp hạng gồm bảng xếp hạng thương hiệu của các trường đại học Nhật Bản (Brand Rankings of Japanese Universities) và bảng xếp hạng các trường hàng đầu (Truly Strong Universities). Ngoài ra, Nhật Bản còn có cả bảng xếp hạng quốc gia của riêng mình trên hệ thống THE. Malaysia triển khai hệ thống đánh giá SETARA cho các cơ sở giáo dục đại học (SETARA Rating System for Malaysian Higher Education Institutions). Ấn Độ có bảng xếp hạng đại học Careers360 (Careers360 University Rankings) và cả bảng xếp hạng các trường đại học tốt nhất của Ấn Độ (India's Best Colleges). Ngay cả Pakistan cũng có bảng xếp hạng (Ranking of Pakistani HEIs)...

Trung Quốc là một quốc gia điển hình triển khai và sử dụng hiệu quả hoạt động xếp hạng đại học. Trong bảng xếp hạng THE châu Á năm 2017, mặc dù không đứng đầu, nhưng Trung Quốc (cùng với 3 vùng lãnh thổ và khu



vực hành chính đặc biệt Đài Loan, Hồng Kông, Ma Cao) đã có trường đại học đứng thứ hai, ba, tư và năm. Về tổng thể, Trung Quốc và Hồng Kông có 5 trường đại học trong top 10 châu Á, 12 trường trong top 20 và 30 trường trong top 100. Trong top 1000 trường đại học hàng đầu thế giới Trung Quốc có 39 trường (bảng QS), 69 trường (theo bảng THE) và 109 trường (bảng ARWU). Các số liệu tương tự của Hoa Kỳ là: 157 (bảng QS), 157 (bảng THE) và 192 (bảng ARWU). Rõ ràng, Trung Quốc là một quốc gia có hệ thống đại học phát triển rất nhanh. Thế giới thừa nhận đó là các ngôi sao đại học đang lên nhờ kết quả của hai thập kỷ đầu tư tập trung 10 tỷ đô la Mỹ cho các trường đại học xuất sắc trong đề án 211 (năm 1995) và đề án 985 (năm 1998). Chưa dừng lại ở đó, năm 2017, Trung Quốc bắt đầu kế hoạch đầu tư quy mô rộng hơn cho kế hoạch tăng gấp đôi số lượng các trường đại học xuất sắc của họ (“Double First Class” Plan).

Để góp phần nhận diện và đối sánh chính xác, Trung Quốc đã chủ động xây dựng hệ thống các bảng xếp hạng thành nhiều tầng. Ngoài bảng xếp hạng ARWU đã nêu ở

trên tập trung đánh giá các trường đại học hàng đầu, có khả năng cạnh tranh toàn cầu, về phương diện quốc gia Trung Quốc còn xây dựng bảng xếp hạng của trường đại học quốc gia (Best Chinese Universities Ranking) để giải quyết tổng thể bài toán của 1243 trường đại học của họ. Nhiều tiêu chí của bảng xếp hạng trong nước này chi tiết hơn rất nhiều với bảng xếp hạng thế giới. Với cách này, hàng năm họ đã xếp hạng được cho 600 các trường đại học thỏa mãn điều kiện mỗi năm trường đó công bố được ít nhất 100 bài báo Scopus.

Đối với khối các quốc gia, vùng lãnh thổ và khu vực hành chính đặc biệt có văn hóa và ngôn ngữ chung đã được nhắc tới trên đây, Trung Quốc còn thiết lập bảng xếp hạng Trung Quốc mở rộng (Greater China Ranking). Tham gia bảng xếp hạng Trung Quốc mở rộng, đối với Trung Hoa lục địa, trong số 112 trường đại học có sứ mệnh quốc tế hóa được hỗ trợ bởi dự án 211 chỉ có 103 trường đủ điều kiện tuyển sinh viên nước ngoài từ Hồng Kông, Ma Cao và Đài Loan. Đối với Đài Loan, 40 trường đại học có đào tạo bậc tiến sĩ được lựa chọn. Trong số 40 trường đại học



này có 12 trường đã được hỗ trợ bởi Kế hoạch đầu tư 50 tỷ trong năm năm, có năng lực cạnh tranh toàn cầu rất cao. Đối với Hồng Kông và Ma Cao, số lượng các trường đại học không nhiều. Tất cả có 9 trường đều đào tạo tiến sĩ và đã mở cửa tuyển sinh sinh viên quốc tế. Tổng cộng, có 152 trường đại học tham gia, nhưng hàng năm chỉ 100 TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG ĐẦU ĐƯỢC CÔNG BỐ.

GIẢI PHÁP CHO VIỆT NAM

Mới đây Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đại học Quốc gia Hà Nội đã phối hợp tổ chức hội thảo về “Giải pháp nâng cao chất lượng và uy tín quốc tế của các trường đại học Việt Nam”, thu hút sự quan tâm của các cơ sở giáo dục đại học và các bên liên quan. Tại Hội thảo, Bộ trưởng Phùng Xuân Nhạ đã phát biểu khẳng định: đối với giáo dục đại học, chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học là vấn đề quan trọng nhất. Các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam trước hết phải thực hiện kiểm định chất lượng và minh bạch các điều kiện đảm bảo chất lượng đối với cộng đồng; quan tâm giải quyết các vấn đề trong nước, nhưng đồng

thời phải hướng đến việc hội nhập với khu vực và nâng cao uy tín quốc tế. Khuyến khích các trường đại học chủ động lựa chọn và tham gia xếp hạng bởi các tổ chức xếp hạng đại học quốc tế có uy tín phù hợp với chiến lược phát triển để góp phần đổi mới và nâng cao vị thế.

Quan điểm như vậy là rõ ràng. Tuy nhiên, đa số các trường đại học vẫn còn chần chừ. Năm 2018, trong bảng xếp hạng top 400 đại học châu Á của QS, Việt Nam mới có mặt 5 trường (Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Tp Hồ Chí Minh, Trường đại học Bách Khoa Hà Nội, Trường Đại học Cần Thơ và Đại học Huế), trong đó hai đại học quốc gia còn lọt top 25 ASEAN.

Sự chần chừ thường liên quan đến các yếu tố sau đây. Thứ nhất, đó là nhóm các ý kiến còn nhầm lẫn giữa kiểm định chất lượng và xếp hạng đại học. Thứ hai, là nhóm các trường không có đào tạo tiến sĩ, có ít nghiên cứu khoa học và công bố quốc tế. Các trường này rất khó lọt vào các bảng xếp hạng. Cuối cùng là nhóm các trường đại học công lập, trong số đó có các trường đại học trọng điểm, đã



có bề dày truyền thống và các kết quả nhất định, nhưng ít nhiều còn thiếu tự tin và đang phải lo toan với cơm áo gạo tiền. Đây là nhóm đại học tiềm năng, nếu được quan tâm hoàn toàn có khả năng cạnh tranh trong khu vực.

Như vậy, trước mắt việc xây dựng hệ thống đại học của nước ta cần phải được quan tâm ở hai góc độ: đầu tư phát triển và đánh giá, xếp hạng. Trường đại học xuất sắc, có thứ hạng tốt và năng lực cạnh tranh cao là một môi trường học thuật hiện đại cần có nhiều đầu tư từ Nhà nước hoặc các doanh nghiệp. Quyết tâm gần đây của Chính phủ đối với hai Đại học Quốc gia và một số Đại học vùng và sự vào cuộc mới đây của mô hình trường đại học VinUni là tín hiệu rất đáng mừng.

Việc còn lại là vấn đề nhận diện, đánh giá để có đầu tư hiệu quả. Cũng như các nước, Việt Nam cũng nên có bảng xếp hạng riêng của mình. Bộ tiêu chí này phải đảm bảo các yếu tố chuẩn hóa và hội nhập; phù hợp và định hướng cho sự phát triển của các trường đại học Việt Nam. Khoan bàn ai sẽ thực thi việc xếp hạng các trường đại học. Trước

hết, cần thiết phải hình thành một nhóm chuyên gia có đại diện của cơ quan quản lý Nhà nước và các cơ sở giáo dục đại học có điều kiện và kế hoạch tham gia xếp hạng triển khai xây dựng bộ tiêu chí và quy trình đánh giá xếp hạng. Bộ tiêu chí giá xếp hạng này đồng thời phải có sự đồng thuận của các trường đại học trong nước, phản ánh được sự thống nhất về chức năng, nhiệm vụ của đại học và tính đa dạng về mục tiêu, sứ mệnh của các trường. Coi đó là bộ công cụ phục vụ công tác đánh giá, nhận diện hiện trạng, xây dựng chính sách đầu tư phát triển và quy hoạch mạng lưới các cơ sở giáo dục đại học của Việt Nam. Các trường đại học có kết quả xếp hạng quốc tế và trong nước tốt sẽ được hỗ trợ giao nhiệm vụ đầu tư phát triển. Các cơ sở giáo dục đại học có kết quả đánh giá xếp hạng yếu kém cần được xử lý, đảm bảo trách nhiệm với xã hội.